

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 822/2024/HS-PT

Ngày: 28/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 765/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S, Vũ Diệu H về tội Trốn thuế và tội Mua bán trái phép hóa đơn, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Thị Thanh N, sinh năm 1980 tại Hà Nam; nơi ĐKKHKT: Phòng 2205, CT1, Chung cư N, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Số nhà D, ngõ A, Khu tập thể T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Kế toán Công ty TNHH T8; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L; có chồng Trần Phú T (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 05 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại; có mặt.

2. Trần Thị S, sinh năm 1974 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn A, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH T9; trình độ văn hoá: 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L; có chồng Nguyễn Văn T1 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 tháng 05 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại; có mặt.

3. Vũ Diệu H (tên gọi khác D), sinh năm 1993 tại Hà Nam; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Hùng G và bà Lại Thị H1; có chồng Đỗ Khắc N1 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 8 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện đang tại ngoại; vắng mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị P, Trần Văn C, Nguyễn Thị Bích Đ, Lê Công M, Nguyễn Thị T2, nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi mua trái phép các hoá đơn GTGT của Trần Văn C, Nguyễn Thị Kim O đã sử dụng để kê khai hàng hoá đầu vào, bán trái phép hoá đơn GTGT cho các Công ty trên địa bàn tỉnh Hà Nam gồm: Công ty Cổ phần T10 (Công ty T10), Công ty TNHH A (Công ty A), Công ty TNHH T9 (Công ty T9), Công ty TNHH V (Công ty V), Công ty TNHH C1 (Công ty C1), Công ty TNHH T11 (Công ty T11), Công ty Cổ phần M1 (Công ty M1), Công ty TNHH V1 (Công ty V1).

Nguyễn Thị Kim O thống nhất với Trần Thị Thanh N (Kế toán của Công ty T8) khi có khách hàng cần mua trái phép hoá đơn GTGT, họ sẽ gửi bảng kê hoặc thông tin về chủng loại hàng hoá, số lượng và giá cả cho O, O gửi các thông tin qua Zalo cho N. Khi nhận được các thông tin do O gửi, N dự thảo hoá đơn nháp chuyển lại để O gửi cho bên mua kiểm tra; sau đó, bên mua xác nhận, O thông báo để N thực hiện việc xuất hoá đơn GTGT cho các Công ty theo yêu cầu.

Ngoài ra, O còn thoả thuận với N sẽ chi cho N 01% số tiền của tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên hoá đơn mà Công ty T8 bán cho Công ty T9 và thoả thuận với Nguyễn Thị P (Kế toán của Công ty T10) sẽ chi 1,5% số tiền trên tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên hoá đơn nếu Phần giới thiệu được khách mua hoá đơn.

Quá trình trao đổi, thoả thuận bán trái phép hoá đơn GTGT giữa Nguyễn Thị Kim O và việc các Công ty mua bán hoá đơn để trốn thuế được thực hiện cụ thể như sau:

Đối với Công ty Cổ phần T10, do Lê Công M làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Do tin tưởng Nguyễn Thị Kim O làm Kế toán ở mỏ đá nên có nhiều khách hàng mua vật liệu xây dựng nhưng không cần xuất hoá đơn GTGT, Lê Công M đã liên hệ, thoả thuận, thống nhất mua hoá đơn GTGT trái phép của O với giá 09% trên tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên hoá đơn để hợp thức hoá đầu vào, kê khai thuế cho Công ty. Ngày 15/9/2022, Lê Công M đã thông qua nhóm Zalo “Tài chính TD Minh Trí” chỉ đạo Nguyễn Thị T2 liên hệ với Nguyễn Thị Kim O để trao đổi về cách thực hiện việc mua trái phép hoá đơn GTGT. Nhận được sự chỉ đạo từ M, Nguyễn Thị T2 đã liên hệ với O qua điện thoại và ứng dụng Zalo để trao đổi, bàn bạc cách thức thực hiện việc mua trái phép hoá đơn GTGT. T2 và O thống nhất khi Công ty T10 cần mua trái phép hoá đơn, T2 sẽ gửi bảng kê các mặt hàng cần mua, đơn giá và số lượng qua Zalo cho O. O sẽ gửi bảng kê cho Trần Thị Thanh N để N thực hiện việc xuất hoá đơn, sau khi tiếp nhận thông tin từ O thì N lập, xuất các hoá đơn cho O để O gửi cho T2.

Để hợp thức dòng tiền cho việc mua hoá đơn trái phép, Nguyễn Thị T2 báo cáo Lê Công M ký ủy nhiệm chi chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng của Công ty T10 đến tài khoản Ngân hàng của Công ty T8. Sau đó, O chuyển trả lại tiền vào tài khoản cá nhân của Nguyễn Thị Bích Đ là Thủ quỹ Công ty T10. Trong trường hợp Công ty T10 không có tiền để thực hiện việc hợp thức thì O sẽ chuyển tiền của mình vào tài khoản cá nhân cho T2 và Đ. Sau khi nhận được tiền của O, T2 và Đ rút ra nộp vào tài khoản Ngân hàng của Công ty T10. Sau đó, Lê Công M ký ủy nhiệm chi để Nguyễn Thị H2 đến Ngân hàng làm thủ tục chuyển tiền từ Công ty T10 cho Công ty T8 với nội dung “Thanh toán tiền hàng”. Đối với chi phí cho việc mua trái phép hoá đơn (09% trên tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên hoá đơn) T2 báo để H2 theo dõi công nợ và thanh toán cho O vào tài khoản cá nhân khi Công ty T10 trả tiền. Ngoài ra, một số lần

Lê Công M trực tiếp chuyển trả cho O bằng tài khoản cá nhân của mình và báo lên nhóm Zalo của Công ty để kế toán theo dõi, kiểm soát.

Với cách thức trên, trong khoảng thời gian từ ngày 17/9/2022 đến ngày 27/12/2022, Lê Công M, Nguyễn Thị T2 đã mua trái phép của Nguyễn Thị Kim O 12 hóa đơn GTGT; với tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên 12 hoá đơn là 24.072.675.800 đồng. Số tiền M đã trả để mua trái phép hóa đơn của O tương đương 9% là 2.166.540.822 đồng. Số tiền O thu được từ việc bán trái phép 12 hóa đơn cho Lê Công M, Nguyễn Thị T2 là 2.046.177.443 đồng.

Sau khi Lê Công M, Nguyễn Thị T2 mua trái phép 12 hoá đơn GTGT của O để hợp thức đầu vào, Nguyễn Thị X là Kế toán thuế của Công ty T10 đã sử dụng 12 hóa đơn này để kê khai thuế. Tổng số tiền Công ty T10 sử dụng 12 hóa đơn bất hợp pháp kê khai, hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước trong năm 2022 là 4.814.535.160 đồng.

Đối với Công ty TNHH A, do Nguyễn Thị Bích Đ làm Giám đốc. Trong năm 2022, Công ty A ký kết Hợp đồng với Công ty TNHH Đ1 về việc thi công san lấp dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và kinh doanh khu công nghiệp tại huyện T, tỉnh Hà Nam. Quá trình thi công, Công ty A đã mua vật liệu xây dựng trôi nổi trên thị trường, không có hoá đơn GTGT. Để hợp thức hàng hoá đầu vào, kê khai thuế, Công ty A đã mua hóa đơn không kèm theo hàng hóa của Công ty T8, cụ thể: thông qua Nguyễn Thị T2 là kế toán nội bộ của Công ty T10, Nguyễn Thị Bích Đ đã mua trái phép hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị Kim O với giá 09% trên tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên hoá đơn. O và T2 thống nhất khi Công ty A cần mua hoá đơn, T2 sẽ gửi bảng kê các mặt hàng cần mua, đơn giá và số lượng qua Zalo của O để O gửi cho N xuất hoá đơn từ Công ty T8 cho Công ty A. Sau đó, N gửi lại các hoá đơn để O gửi cho T2.

Để hợp thức dòng tiền cho việc mua bán trái phép hóa đơn, Nguyễn Thị T2 báo Nguyễn Thị Bích Đ ký ủy nhiệm chi, chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng của Công ty A đến tài khoản Ngân hàng của Công ty T8. Sau khi nhận được tiền, O chuyển trả lại số tiền trên vào tài khoản cá nhân của Đ hoặc T2. Nếu Công ty A không có tiền để thực hiện việc hợp thức thì O sẽ chuyển tiền của mình vào tài khoản cá nhân cho T2 hoặc Đ. Sau khi nhận được tiền, T2, Đ sẽ rút ra, nộp vào tài khoản Ngân hàng của Công ty A, sau đó, Đ ký ủy nhiệm chi rồi chỉ đạo Nguyễn Thị H2 là Kế toán tổng hợp làm thủ tục chuyển tiền từ Công ty A cho Công ty T8 với nội dung “Thanh toán tiền hàng”. Đối với chi phí cho việc mua trái phép hóa đơn (09% trên tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi

trên hoá đơn), T2 sẽ báo công nợ của Công ty với H2 để H2 theo dõi và thanh toán cho O vào tài khoản cá nhân khi Công ty A có tiền.

Với cách thức trên, trong khoảng thời gian từ ngày 20/12/2022 đến ngày 26/12/2022, Nguyễn Thị Bích Đ và Nguyễn Thị T2 đã mua trái phép 03 hóa đơn GTGT của Nguyễn Thị Kim O gồm: Hoá đơn số 39 ngày 20/12/2022, hàng hoá đất đá san lấp, tiền hàng là 2.310.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 231.000.000 đồng; hoá đơn số 41 ngày 21/12/2022, hàng hoá đất đá san lấp, tiền hàng là 3.052.875.000 đồng, tiền thuế GTGT là 305.287.500 đồng; hoá đơn số 48 ngày 26/12/2022, hàng hoá đất đá san lấp, tiền hàng là 3.675.000.000 đồng, tiền thuế GTGT là 367.500.000 đồng. Tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên 03 hoá đơn Đào, T2 đã mua của O là 9.037.875.000 đồng. Số tiền Đ đã trả để mua trái phép hóa đơn của O tương đương 09% là 813.408.750 đồng. Số tiền O thu được từ việc bán trái phép 03 hóa đơn cho Nguyễn Thị Bích Đ, Nguyễn Thị T2 là 768.219.375 đồng.

Sau khi mua trái phép 03 hoá đơn GTGT của O để hợp thức hoá đầu vào, Đ đã nhờ Nguyễn Thị X (kế toán thuế của Công ty T10) sử dụng các hóa đơn này để kê khai thuế. Tổng số tiền Công ty A sử dụng 03 hóa đơn bất hợp pháp kê khai, hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước trong năm 2022 là 1.807.575.000 đồng.

Đối với Công ty TNHH T9, do Nguyễn Văn T1 làm Giám đốc, Trần Thị S làm Phó Giám đốc, Trần Thị Thanh N làm Kế toán thuế và Nguyễn Thị T3 làm Kế toán nội bộ.

Quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty T9 đã mua vật liệu xây dựng không có hoá đơn GTGT; để hợp thức hàng hóa đầu vào và kê khai thuế cho Công ty, Trần Thị S thông qua Trần Thị Thanh N liên hệ với Nguyễn Thị Kim O để thoả thuận mua trái phép hoá đơn GTGT của Công ty T8 với giá bằng 09% tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên hoá đơn. Khi cần mua hoá đơn, S sẽ gửi bảng kê các mặt hàng cần mua, đơn giá và số lượng từ tài khoản Zalo của mình là “Trần S” đến Zalo của O. Sau khi nhận được, thông tin S gửi, O gửi cho N để N thực hiện việc xuất hoá đơn vào Gmail của Công ty T9.

Việc hợp thức dòng tiền được S thực hiện bằng cách chuyển số tiền bằng số tiền ghi trên hoá đơn từ tài khoản Ngân hàng của Công ty T9 đến tài khoản Ngân hàng của Công ty T8. Khi nhận được tiền, O giữ lại tiền bán hoá đơn là 09%, số tiền còn lại O trả trực tiếp cho S hoặc chuyển khoản cho S qua tài khoản Ngân hàng cá nhân của mình và tài khoản Ngân hàng của Phạm Quang H3 trú

tại P802 CT1, khu đô thị V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Nếu sử dụng tiền của mình để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn thì O sẽ chuyển khoản số tiền bằng số tiền ghi trên hoá đơn từ tài khoản Ngân hàng cá nhân của mình sang tài khoản cá nhân của S để S chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của Công ty T9. Sau đó, S chuyển khoản số tiền trên từ tài khoản Ngân hàng của Công ty T9 đến tài khoản Ngân hàng của Công ty T8.

Với cách thức này, trong khoảng thời gian từ ngày 16/01/2022 đến ngày 27/12/2022, Trần Thị S đã mua trái phép của Nguyễn Thị Kim O tổng số 16 hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 16.640.365.000 đồng. Số tiền S đã trả cho O để mua trái phép hóa đơn tương đương 09% là 1.497.632.850 đồng. Số tiền O đã trả cho N theo thỏa thuận tương đương 01% là 120.000.000 đồng. Số tiền O thu được khi bán trái phép hóa đơn cho Trần Thị S là 1.377.632.850 đồng.

Sau khi Trần Thị S mua trái phép 16 hoá đơn GTGT của O để hợp thức đầu vào và kê khai thuế cho Công ty TNHH T9; mặc dù, biết các hóa đơn không hợp pháp nhưng Trần Thị Thanh N vẫn sử dụng 16 hóa đơn GTGT của Công ty T8 để kê khai thuế. Tổng số tiền Công ty T9 sử dụng 16 hóa đơn bất hợp pháp kê khai, hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước trong năm 2022 là 3.096.153.126 đồng.

Đối với Công ty TNHH V, do Đỗ Khắc N1 làm Giám đốc, Ngô Thị N2 làm Kế toán thuế và Vũ Diệu H (vợ của Đỗ Khắc N1) tham gia quản lý các hoạt động của Công ty.

Quá trình quản lý hoạt động kinh doanh, Vũ Diệu H đã mua vật liệu xây dựng trôi nổi, không có hoá đơn GTGT trên thị trường; sau đó, bán lại cho các Công ty đối tác. Để hợp thức hàng hoá đầu vào và kê khai thuế cho Công ty, Vũ Diệu H thông qua Nguyễn Thị P để mua trái phép hoá đơn GTGT của Nguyễn Thị Kim O với giá bằng 08% tổng giá trị hàng hoá trước thuế ghi trên hoá đơn đối với mặt hàng gạch xi măng cốt liệu và 10% đối với các mặt hàng còn lại. H, P và O thống nhất khi cần mua hoá đơn, H sẽ gửi bảng kê các mặt hàng cần mua, đơn giá và số lượng qua Zalo cho P; sau đó, P chuyển bảng kê cho O để O gửi cho N thực hiện việc xuất hoá đơn cho Công ty V. Việc hợp thức dòng tiền được O, P, H thực hiện bằng cách O chuyển số tiền bằng số tiền ghi trên hoá đơn từ tài khoản cá nhân của O hoặc tài khoản của người khác đến tài khoản của P. Phần sẽ chuyển số tiền này vào tài khoản cá nhân của H hoặc Ngô Thị N2 để H, N2 chuyển vào tài khoản Ngân hàng của Công ty V. Sau đó, H chuyển tiền từ

tài khoản của Công ty V đến tài khoản Ngân hàng của Công ty T8 với nội dung thanh toán tiền hàng.

Bằng cách thức trên, từ ngày 26/02/2022 đến ngày 23/12/2022 thông qua Nguyễn Thị P, Vũ Diệu H đã mua trái phép của Nguyễn Thị Kim O tổng số 23 hóa đơn GTGT, với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 21.607.156.385 đồng. Số tiền H đã trả để mua trái phép hóa đơn của O gồm: 07 hoá đơn đối với hàng hoá là gạch, xi măng cốt liệu tương đương 8% thành tiền 118.101.995 đồng; số tiền O chi cho P tương đương 1,5% là 21.803.445 đồng; số tiền O thu lợi bất chính là 96.298.550 đồng. Đối với các loại hàng hoá còn lại tương đương 10% là 2.015.359.396 đồng; số tiền O chi cho P tương đương 1,5% là 302.303.909 đồng; số tiền O thu lợi bất chính là 1.713.055.487 đồng. Tổng số tiền O thu được khi bán trái phép hoá đơn cho Vũ Diệu H là 1.809.354.037 đồng.

Sau khi mua trái phép 23 hoá đơn GTGT của O, H đã chỉ đạo Ngô Thị N2 sử dụng các hoá đơn này để kê khai thuế và đến nay Công ty TNHH V chưa kê khai bổ sung, chưa nộp lại số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp nói trên. Tổng số tiền Công ty V sử dụng 23 hóa đơn bất hợp pháp kê khai, hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế thu nhập Doanh nghiệp phải nộp gây thiệt hại về thuế cho Nhà nước trong năm 2022 là 3.309.317.917 đồng.

Đối với Công ty TNHH C1 do Nguyễn Văn L1 làm Giám đốc, Đinh Thị Hải Y làm Kế toán.

Trong năm 2022, Nguyễn Văn L1 đã liên hệ với Vũ Diệu H để mua 450.000 viên gạch xi măng cốt liệu với tổng giá trị là 486.000.000 đồng (trong đó tiền hàng là 450.000.000 đồng và tiền thuế GTGT là 36.000.000 đồng). Sau khi mua số gạch trên L1 đã thanh toán cho H; tuy nhiên, H không xuất hoá đơn mà thông qua Nguyễn Thị P mua của Nguyễn Thị Kim O hoá đơn số 20 ngày 22/9/2022 của Công ty T8 cho Công ty C1.

Số tiền H đã trả để mua trái phép hóa đơn của O tương đương 08% là 36.000.000 đồng; số tiền O chi cho P tương đương 1,5% là 6.750.000 đồng; số tiền O thu được từ việc bán trái phép 01 hóa đơn cho Nguyễn Văn L1, Vũ Diệu H là 29.250.000 đồng.

Sau khi Nguyễn Văn L1 mua hoá đơn trên, Đinh Thị Hải Y đã sử dụng để kê khai làm giảm thuế GTGT phải nộp 36.000.000 đồng. Khi biết Công ty T8 bị cảnh báo rủi ro, Công ty C1 đã kê khai giảm trừ 02 hóa đơn GTGT trên và nộp toàn bộ số tiền phát sinh liên quan đến thuế GTGT. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty chưa kê khai để nộp lại.

Đối với Công ty Cổ phần M1 do Phạm Văn T4 làm Giám đốc, Đinh Thị Hồng H4 làm Kế toán.

Quá trình kinh doanh, do cần hoá đơn GTGT nên ngày 08/12/2022 và ngày 22/12/2022, Phạm Văn T4 đã thông qua Nguyễn Thị P để mua trái phép 02 hoá đơn GTGT số 36, 43 của Công ty T8 với tổng số tiền hàng là 463.363.636 đồng và tiền thuế GTGT là 46.336.364 đồng của Nguyễn Thị Kim O với giá 10%. Số tiền T4 đã trả để mua trái phép hóa đơn của O tương đương 10% là 46.363.636 đồng; số tiền O chi cho P tương đương 1,5% là 6.950.454 đồng; số tiền O thu được từ việc bán trái phép 02 hóa đơn cho Nguyễn Văn L1 là 39.385.909 đồng.

Sau khi Phạm Văn T4 mua 02 hóa đơn GTGT trên, Đinh Thị Hồng H4 đã sử dụng để kê khai làm giảm thuế GTGT phải nộp 46.336.363 đồng. Khi biết Công ty T8 bị cảnh báo rủi ro, Công ty Cổ phần M1 đã chủ động kê khai giảm trừ và nộp toàn bộ số tiền phát sinh liên quan đến thuế GTGT. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty chưa kê khai để nộp lại.

Đối với Công ty TNHH T11 do Nghiêm Bá T5 làm Giám đốc, Ngô Thị T6 làm Kế toán. Tháng 7/2022, Công ty T11 liên danh với Công ty TNHH Đ2 do Nguyễn Trọng H5 làm Giám đốc, Cao Thị H6 làm Kế toán. Quá trình thực hiện dự án liên danh, Nguyễn Trọng H5 đã liên hệ với Vũ Diệu H để mua vật liệu phục vụ việc thi công công trình. Do Công ty T11 là đơn vị đứng đầu liên danh nên việc mua bán vật liệu xây dựng sẽ do Công ty T11 ký kết với Công ty V. Đến cuối năm 2022, do không đủ nguồn hàng đầu vào trên sổ sách để xuất hoá đơn cho liên danh Sông H7 - H theo khối lượng hàng hoá đã bán nên Vũ Diệu H thông qua Nguyễn Thị P để mua của Nguyễn Thị Kim O 02 hoá đơn GTGT với tổng số tiền hàng 560.698.000 đồng, tiền thuế 56.069.800 đồng để xuất cho Công ty T11. Số tiền O bán trái phép 02 hoá đơn nói trên tương đương 10% là 148.113.800 đồng; số tiền O đã chi cho P tương đương 1,5% là 22.217.070 đồng; số tiền O thu được từ việc bán trái phép 02 hóa đơn nói trên là 125.896.730 đồng.

Sau khi nhận được 02 hóa đơn GTGT, Ngô Thị T6 đã sử dụng để hạch toán, kê khai hàng hóa dịch vụ có phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty T11. Khi biết Công ty T8 bị cảnh báo rủi ro, Công ty T11 đã kê khai giảm trừ 02 hóa đơn GTGT trên và nộp toàn bộ số tiền phát sinh liên quan đến thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đối với Công ty TNHH V2 Trịnh do Đào Duy T7 làm Giám đốc, Lê Thị Q1 làm Kế toán. Đầu năm 2022, do có nhu cầu mua hàng hóa phục vụ việc kinh

doanh cho Công ty V1, Đào Duy T7 đã liên hệ với Vũ Diệu H mua đá học, đá 2x4 và B; tuy nhiên, do không đủ nguồn hàng đầu vào trên sổ sách đề xuất hoá đơn cho Công ty V1 theo khối lượng hàng hoá đã bán nên Vũ Diệu H đã thông qua Nguyễn Thị P để mua của Nguyễn Thị Kim O 02 hoá đơn không kèm theo hàng hoá với tổng số tiền hàng là 804.605.785 đồng, tiền thuế là 80.460.579 đồng đề xuất cho Công ty H8

Số tiền O bán trái phép 02 hoá đơn nói trên tương đương 10% là 80.460.179 đồng; số tiền O chi cho P tương đương 1,5% là 12.069.027 đồng; số tiền O thu được từ việc bán trái phép 02 hóa đơn nói trên là 68.391.152 đồng.

Sau khi nhận được 02 hóa đơn GTGT trên, Lê Thị Q1 đã sử dụng để hạch toán, kê khai hàng hóa dịch vụ có phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp của Công ty H8 Khi biết Công ty T8 bị cảnh báo rủi ro, Công ty V1 đã kê khai giảm trừ 02 hóa đơn GTGT trên và nộp toàn bộ số tiền phát sinh liên quan đến thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Như vậy tổng số hóa đơn GTGT Nguyễn Thị Kim O đã bán cho 08 Công ty trên là 59 hoá đơn thu lợi bất chính là 2.755.451.123 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Khoản 3, khoản 4 Điều 200; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 50; Điều 38; (thêm Điều 17; Điều 58 đối với S, N) và khoản 1 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 35 của Bộ luật Hình sự (đối với S và N). Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S, Vũ Diệu H phạm các tội “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hoá đơn”.

2. Xử phạt các bị cáo:

- Trần Thị Thanh N 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 5 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024 và phạt tiền Trần Thị Thanh N 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

- Trần Thị S 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 19 tháng 5 năm

2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024 và phạt tiền Trần Thị S 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

- Vũ Diệu H (tên gọi khác: D) 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 17 tháng 8 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024 và phạt tiền Vũ Diệu H 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Phạt bổ sung các bị cáo Trần Thị Thanh N 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), Trần Thị S 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), Vũ Diệu H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về truy thu số tiền trốn thuế và thu lợi bất chính:

- Trần Thị S phải nộp số tiền 3.096.153.126 đồng, đối trừ tổng số tiền đã nộp 2.900.000.000 đồng (gồm: 2.500.000.000 đồng hiện đang trong tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam và 400.000.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số 0000002 và số 0000003 ngày 03/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam). Buộc Trần Thị S nộp tiếp số tiền 196.153.126 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi sáu đồng).

- Vũ Diệu H phải nộp số tiền 4.121.041.052 đồng, đối trừ số tiền 510.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001601 ngày 28/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Buộc Vũ Diệu H nộp tiếp số tiền 3.611.041.052 đồng (ba tỷ sáu trăm mười một triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm năm mươi hai đồng).

- Trần Thị Thanh N phải nộp số tiền 120.000.000 đồng, đối trừ tổng số tiền đã nộp 30.000.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số 0000004 ngày 06/11/2023 và Biên lai thu tiền số 0000009 ngày 10/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Buộc Trần Thị Thanh N nộp tiếp số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim O, Nguyễn Thị P, Trần Văn C, Nguyễn Thị Bích Đ, Lê Công M, Nguyễn Thị T2, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 11 tháng 6 năm 2024, bị cáo Trần Thị Thanh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội Trốn thuế và xem xét lại số tiền truy thu đối với bị cáo.

- Ngày 13 tháng 6 năm 2024, bị cáo Trần Thị S, Vũ Diệu H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội Trốn thuế.

- Ngày 26 tháng 9 năm 2024, bị cáo Vũ Diệu H có đơn xin rút kháng cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S thừa nhận các hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết và quyết định. Cả hai bị cáo đều xin giảm hình phạt với lý do lần đầu phạm tội, quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, trước khi xét xử phúc thẩm cả hai bị cáo đều đã nộp lại toàn bộ số tiền phạt chính, phạt bổ sung, án phí, tiền truy thu trốn thuế và tiền thu lợi bất chính. Các bị cáo là hai bị em ruột, có bố là ông Trần văn Q2 đã được tặng Huy chương và nhiều bằng khen, giấy khen của Hội N3.

Bị cáo Trần Thị Thanh N xin rút lại phần đề nghị xem xét lại số tiền truy thu đối với bị cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Về hình phạt căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S đã nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có, tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm và các tài liệu liên quan đến nhân thân của bị cáo.

Đây là những tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Diệu H.

Lời nói sau cùng cả hai bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S đều xin giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S, Vũ Diệu H được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, nên được xem xét thụ lý theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 26/9/2024 bị cáo Vũ Diệu H có đơn xin rút kháng cáo. Xét đơn rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Diệu H

theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh, với mục đích thu lợi bất chính, trong năm 2022 Nguyễn Thị Kim O là Giám đốc Công ty T8 và Công ty K đã mua trái phép 54 hoá đơn GTGT của Trần Văn C với tổng số tiền là 4.097.856.373 đồng. Sau đó, O đã bàn bạc, thống nhất cùng Trần Thị Thanh N, Nguyễn Thị P bán trái phép tổng số 61 hoá đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hoá của Công ty T8 với tổng số tiền ghi trên hoá đơn là 74.557.179.606 đồng cho Công ty T10 (12 hoá đơn), Công ty T9 (16 hoá đơn), Công ty V (23 hoá đơn), Công ty A (03 hoá đơn), Công ty M1 (02 hoá đơn), Công ty C1 (01 hoá đơn), Công ty T11 (02 hoá đơn) và Công ty V1 (02 hoá đơn); với tổng số tiền 6.921.981.428 đồng. Tổng số hóa đơn GTGT Nguyễn Thị Kim O đã mua và bán là 115 hóa đơn thu lợi bất chính số tiền 2.755.451.123 đồng; Trần Văn C đã bán trái phép 54 hóa đơn GTGT thu lợi bất chính 156.064.795 đồng; Trần Thị Thanh N đã giúp O bán trái phép 44 hóa đơn GTGT thu lợi bất chính 120.000.000 đồng; Nguyễn Thị P đã giúp O bán trái phép 30 hóa đơn GTGT thu lợi bất chính 372.093.905 đồng; Nguyễn Thị T2 là người đã mua trái phép 15 hóa đơn GTGT của Công ty T8 cho Công ty T10 và Công ty A.

Sau khi mua được các hoá đơn GTGT không hợp pháp của Công ty T8, Lê Công M làm Chủ tịch HĐQT Công ty T10, Nguyễn Thị Bích Đ làm Giám đốc Công ty A, Trần Thị S làm Phó Giám đốc Công ty T9 và Vũ Diệu H là người tham gia quản lý Công ty V đã chỉ đạo bộ phận kế toán sử dụng các hoá đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hoá của Công ty T8 để kê khai, hạch toán hàng hoá, nguyên liệu đầu vào trốn thuế với số tiền cụ thể: Công ty T10 4.814.535.160 đồng; Công ty A 1.807.575.000 đồng; Công ty T9 3.096.153.126 đồng; Công ty V 3.309.317.917 đồng.

Trong vụ án này, Nguyễn Thị Kim O, Trần Văn C, Trần Thị Thanh N, Nguyễn Thị P đều đồng phạm với Nguyễn Thị Kim O về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” được quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị T2 phải chịu trách nhiệm về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài hành vi giúp Nguyễn Thị Kim O bán trái phép 57 hoá đơn GTGT, Trần Thị Thanh N còn là kế toán của Công ty T9, trực tiếp sử dụng 16 hoá đơn GTGT không hợp pháp mua từ O để hạch toán, kê khai làm giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty T9 trong năm 2022 với số tiền 3.096.153.126 đồng nên Trần Thị Thanh N đồng phạm với Trần Thị S về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử bị cáo Trần Thị Thanh N phạm các tội “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị S, Vũ Diệu H phạm các tội “Trốn thuế” và “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thất thoát và làm ảnh hưởng đến nguồn ngân sách của Nhà nước, cũng như xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước. Các bị cáo đều biết việc mua bán trái phép hoá đơn là vi phạm pháp luật;

Nguyễn Thị Kim O là người bàn bạc, thống nhất cùng Trần Thị Thanh N, Nguyễn Thị P bán cho Lê Công M, Trần Thị S, Vũ Diệu H và Nguyễn Thị T2 để sử dụng kê khai nhằm mục đích trốn thuế. Vì vậy, Nguyễn Thị Kim O chịu trách nhiệm chính; Trần Thị Thanh N và Nguyễn Thị P chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức; Lê Công M, Trần Thị S, Vũ Diệu H và Nguyễn Thị T2 mua về sử dụng cho Công ty nên đồng phạm với O; Trần Văn C chịu trách nhiệm về việc bán 54 hoá đơn cho O nên đồng phạm cùng với O như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết là đúng.

Đối với tội “Trốn thuế”, bị cáo Trần Thị S, phải chịu trách nhiệm độc lập đối với hành vi sử dụng các hoá đơn không hợp pháp hàng hoá đầu vào để kê khai trốn thuế. Riêng Trần Thị Thanh N là người làm thuê giúp Trần Thị S kê khai, hợp pháp hoá đầu vào nên N chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức cho S

Trước khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trần Thị S đã nộp lại một phần số tiền trốn thuế; Trần Thị Thanh N đã tác động đến gia đình nộp một phần nhỏ (50.000.000 đồng) tiền trốn thuế thay cho bị cáo S; nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn thuế” là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S xuất trình các biên lai nộp tiền cụ thể như sau: Bị cáo Trần Thị Thanh N đã thi hành xong khoản tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền phạt về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001638 ngày 12/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 100.000.000 (một trăm triệu đồng) tiền thu lời bất chính và tiền phạt bổ sung, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001644 ngày 19/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 20.200.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí và thu lời bất chính, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001606 ngày 10/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Trần Thị S đã thi hành xong khoản tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền phạt về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” và tiền phạt bổ sung được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001645 ngày 19/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 196.153.126 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi sáu đồng) là tiền truy thu số tiền trốn thuế và thu lời bất chính, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001613 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001607 ngày 10/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam. Tại phiên tòa các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, bố của các bị cáo là ông Trần Văn Q được Ban N3 tặng huy chương và nhiều bằng khen do có công lao xây dựng giai cấp nông dân và Hội N3. Đây là những tình tiết mới xuất hiện tại cấp phúc thẩm, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội với vai trò đồng phạm là người giúp sức, do đó Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Không xem xét kháng cáo về số tiền truy thu của bị cáo Trần Thị Thanh N do tại phiên tòa bị cáo xin rút lại phần kháng cáo này.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Diệu H do bị cáo Vũ Diệu H có đơn xin rút kháng cáo.

Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Vũ Diệu H; các quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam có hiệu lực đối với bị cáo Vũ Diệu H.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thanh N về phần số tiền bị truy thu.

2. Chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2024/HS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S phạm tội “Trốn thuế”.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh N 09 (chín) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 5 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị S 09 (chín) tháng tù về tội “Trốn thuế”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 19 tháng 5 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2024.

3. Xác nhận: Bị cáo Trần Thị Thanh N đã thi hành xong khoản tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền phạt về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001638 ngày 12/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 100.000.000 (một trăm triệu đồng) tiền thu lời bất chính và tiền phạt bổ sung về tội Trốn thuế, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001644 ngày 19/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 20.200.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hình sự và thu lời bất chính, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001606 ngày 10/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

4. Xác nhận: Bị cáo Trần Thị S đã thi hành xong khoản tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền phạt về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” và tiền phạt bổ sung về tội Trốn thuế, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001645 ngày 19/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 196.153.126 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu một trăm năm mươi ba nghìn một trăm hai mươi sáu đồng) truy thu số tiền trốn thuế và thu lời bất chính, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001613 ngày 17/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hình sự, được thể hiện tại biên lai thu tiền số 0001607 ngày 10/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

5. Về án phí: Các bị cáo Trần Thị Thanh N, Trần Thị S, Vũ Diệu H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng